

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức niêm yết: CTCP Cà phê An Giang
Năm báo cáo: 2011

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập

Tiền thân của Công Ty Cổ Phần Cà Phê An Giang là Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Cà Phê An Giang, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702001260 vào ngày 26/10/2004 và đăng ký đổi lần 2 ngày 14/07/2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp với số vốn đầu tư ban đầu là 15 tỷ đồng.

Ngày 16/12/2006, nhà máy chế biến Cà phê nhân chính thức khánh thành và đi vào hoạt động với công suất 60,000 tấn/năm.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Công ty Cổ Phần Cà Phê An Giang, tên viết tắt là AN GIANG COFFEE được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600708142(số cũ 4703000481 cấp ngày 03/01/2008) cấp ngày 31 tháng 05 năm 2010 do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Tiền thân là Công ty TNHH XNK Cà Phê An Giang giấy phép kinh doanh số 4702001260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/10/2004.

Trụ sở chính của công ty được đặt tại: Đường số 4, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ AN GIANG

Tên tiếng anh: AN GIANG COFFEE JOINT – STOCK COMPANY

Tên viết tắt: AN GIANG COFFEE

Trụ sở chính: Đường số 4, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

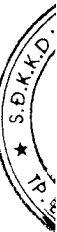
Điện thoại: (84 – 61) 6280 299

Fax: (84 – 61) 6280 238

Website: www.angiangcoffee.com

Email: contact@angiangcoffee.com

+ Niêm yết



Ngày 05/01/2009 AGC chính thức niêm yết 8,3 triệu cổ phiếu tương đương với vốn điều lệ 83 tỷ đồng trên Hasc.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu cà phê; sản phẩm nhựa, sản phẩm từ gỗ. Mua bán, chế biến nông sản, hàng lương thực, thực phẩm Kinh doanh bất động sản. Vận tải hàng hoá đường bộ bằng xe tải nội tỉnh, liên tỉnh. Vận tải hàng hoá đường thuỷ. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

+ Tình hình hoạt động

Năng lực sản xuất: 100.000 tấn cà phê nhân chất lượng cao/năm

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: *Trở thành công ty hàng đầu về sản xuất và xuất khẩu Cà phê tại Việt Nam*

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn: *Trở thành công ty hàng đầu về sản xuất và xuất khẩu Cà phê tại Việt Nam*

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm....)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011
Vốn điều lệ	Triệu đồng	83.000	83.000
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.082.377	168.943
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	71.399	(51.599,5)
Lợi nhuận thuần	Triệu đồng	19.019,6	(144.714,6)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.843,9	

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

+ Năm 2011 là năm công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thiếu vốn hoạt động, năng suất nhà máy giảm rất nhiều. Công ty đã phải thu hẹp mọi hoạt động và tinh giảm biên chế rất nhiều.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

TỔNG HỢP CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2012

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2011 (thực hiện)	KẾ HOẠCH NĂM 2012
I	KINH DOANH TỔNG DOANH THU	Triệu đồng	168,943	21,149
A	KD cà phê và nông sản			
	Doanh thu	Triệu đồng	154.560	
	Kim ngạch XK	USD	658.000	
a.	Cà phê nhân	Tấn	5.105	
b.	Điều nhân	Tấn		
c.	Tiêu đen	Tấn	0	
B	KD DỊCH VỤ			
	Doanh thu	Triệu đồng	11.957	
a	KD vận tải container	Triệu đồng	6.399	
b	Doanh thu dịch vụ cho thuê kho, thối cont'	Triệu đồng	5.558	
C	CHẾ BIẾN CÀ PHÊ			
	Doanh thu	Triệu đồng	2.426	21.149
II	TÀI CHÍNH			
1	khấu hao cơ bản	triệu đồng	7.771	
2	Chi phí	triệu đồng	52.715	
III	LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG			
1	Lao động bình quân	Người	35	20
2	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	5.2	5.2
3	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	2.198	1.250
IV	XÂY DỰNG CƠ BẢN			
V	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	triệu đồng	(144.714)	7.759

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động)

+ Sản xuất kinh doanh trong năm 2011 là năm kinh tế của toàn thế giới gặp rất nhiều khó khăn. Nguồn vốn vay khó khăn, lãi suất cao, thêm vào đó giá cà phê bất ổn đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả của công ty.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)
- + Cổ phiếu thường : 8.300.000 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011 (Thực hiện)
Số lượng cà phê	tấn	45.000	5.105
Số lượng cà phê XK	tấn	21.000	344
Kim ngạch XK	USD	35.500.000	658.000
Kinh doanh điều	tấn	0	0
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	326.646	396.116
Vốn điều lệ	Triệu đồng	83.000	83.000
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.046.281	168.943
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	33.782	(51.299)
Lợi nhuận thuần	Triệu đồng	18.272	(144.167)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.272	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	26	

Nguyên nhân : năm 2011 là năm khủng hoảng kinh tế của toàn thế giới. Nguồn vốn vay khó khăn, lãi suất cao, thêm vào đó giá cà phê bất ổn đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả kinh doanh của công ty

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- + Công ty đã tiến hành rà soát, đổi mới và qui hoạch lại cán bộ nhân sự, tập trung vào kinh doanh vào những lợi thế của mình, hạn chế các rủi ro đến mức thấp nhất trong kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai (2012)

- Tập trung gia công hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ chế biến cà phê chất lượng cao

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		344.082.732.618	526.450.213.848
(100=110+130+140+150)				
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		444.508.962	35.153.397.121
1 Tiền	111	V.1	444.508.962	455.397.121
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	34.698.000.000
II Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.744.248.392	320.755.449.867
1 Phải thu khách hàng	131		316.812.887.635	318.605.642.027
2 Trả trước cho người bán	132		28.000.000	1.541.378.745
3 Các khoản phải thu khác	135	V.2	-	608.429.095
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(26.096.639.243)	-
III Hàng tồn kho	140		52.437.232.827	169.319.758.896
1 Hàng tồn kho	141	V.3	52.437.232.827	169.319.758.896
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV Tài sản ngắn hạn khác	150		456.742.437	1.221.607.964
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	507.242.467
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.404.350	934.356
3 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	453.338.087	713.431.141
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.084.111.644	65.250.104.099
(200=220+260)				
I Tài sản cố định	220		52.079.111.644	64.718.911.381
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	50.148.460.063	62.788.259.800
- Nguyên giá	222		88.888.203.263	94.963.961.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.739.743.200)	(32.175.701.748)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	-
- Nguyên giá	228		35.158.260	35.158.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.158.260)	(35.158.260)
3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.930.651.581	1.930.651.581
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000	5.000.000
1 Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000	5.000.000
II Tài sản dài hạn khác	260		-	526.192.718
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		-	526.192.718
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		396.166.844.262	591.700.317.947

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		448.834.704.799	493.967.460.987
I Nợ ngắn hạn	310		448.275.885.799	493.967.460.987
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	384.829.285.013	404.587.906.204
2 Phải trả người bán	312		2.571.811.153	47.625.463.572
3 Người mua trả tiền trước	313		18.476.695.303	36.699.484.903
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	4.466.875.013	3.549.269.991
5 Phải trả người lao động	315		182.365.546	174.624.458
6 Chi phí phải trả	316	V.9	36.256.852.377	-
7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	1.447.834.589	1.286.545.054
8 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		44.166.805	44.166.805
II Nợ dài hạn	330		558.819.000	-
1 Phải trả dài hạn khác	333		558.819.000	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	V.11	(53.194.161.997)	97.732.856.960
I Vốn chủ sở hữu	410		(53.194.161.997)	97.732.856.960
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.000.000.000	83.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		14.756.470.000	14.756.470.000
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6.762.897.242)	(550.490.099)
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(144.187.734.755)	526.877.059
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		395.640.542.802	591.700.317.947

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
1 Tài sản thuê ngoài		-	229.084.000.000
2 Ngoại tệ các loại (USD)		737,62	1.028

Lê Văn Kế
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Khôi
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm 2011	Năm 2010
		minh		
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	168.943.293.686	1.082.377.328.033
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	3		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		168.943.293.686	1.082.377.328.033
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	220.242.890.459	1.011.038.291.470
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(51.299.596.773)	71.339.036.563
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	920.797.339	13.107.421.288
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	53.600.310.521	48.697.573.490
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.715.726.856	39.691.651.786
8 Chi phí bán hàng	24		7.992.372.043	8.366.330.308
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.945.618.688	8.794.959.249
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(145.917.100.686)	18.587.594.804
11 Thu nhập khác	31	VI.5	4.483.719.681	1.653.687.138
12 Chi phí khác	32	VI.6	3.281.230.809	1.221.678.819
13 Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40		1.202.488.872	432.008.319
14 Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế (50=30+40)	50		(144.714.611.814)	19.019.603.123
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	175.625.686
16 Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế (60=50-51-52)	60		(144.714.611.814)	18.843.977.437
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(17.435)	2.270

Lê Văn Kế
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Khôi
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

- Ý kiến kiểm toán độc lập

Số. 2797/2012/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Cà phê An Giang

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cà phê An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Công ty Cổ phần Cà phê An Giang (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 06 đến trang 22 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

- Số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 là số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA); chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán để đảm bảo tính hợp lý của các số liệu nêu trên nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 cũng

như là những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

- Công ty chưa phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng có gốc bằng Việt Nam Đồng (VND) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011; chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và đầy đủ của số dư “dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” tại ngày 31/12/2011. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011; Công ty chưa thực hiện ghi nhận các khoản lãi vay quá hạn, lãi phạt do vay ngân hàng; do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc không hạch toán khoản lãi vay quá hạn, lãi phạt nêu trên và những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của giới hạn trong phạm vi kiểm toán nêu trên; Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 104.193.153.181 VND (31 tháng 12 năm 2010: tài sản ngắn hạn lớn hơn nợ ngắn hạn 32.482.752.861 VND); lỗ phát sinh trong năm là 144.714.611.814 VND (năm 2010 lãi 19.143.688.033 VND); Vốn chủ sở hữu bị âm 53.194.161.997 VND và luồng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Các Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề không chắc chắn nêu trên.

Trương Đức Hân
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số
0749/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ
TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số
0784/KTV

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

2. Kiểm toán nội bộ

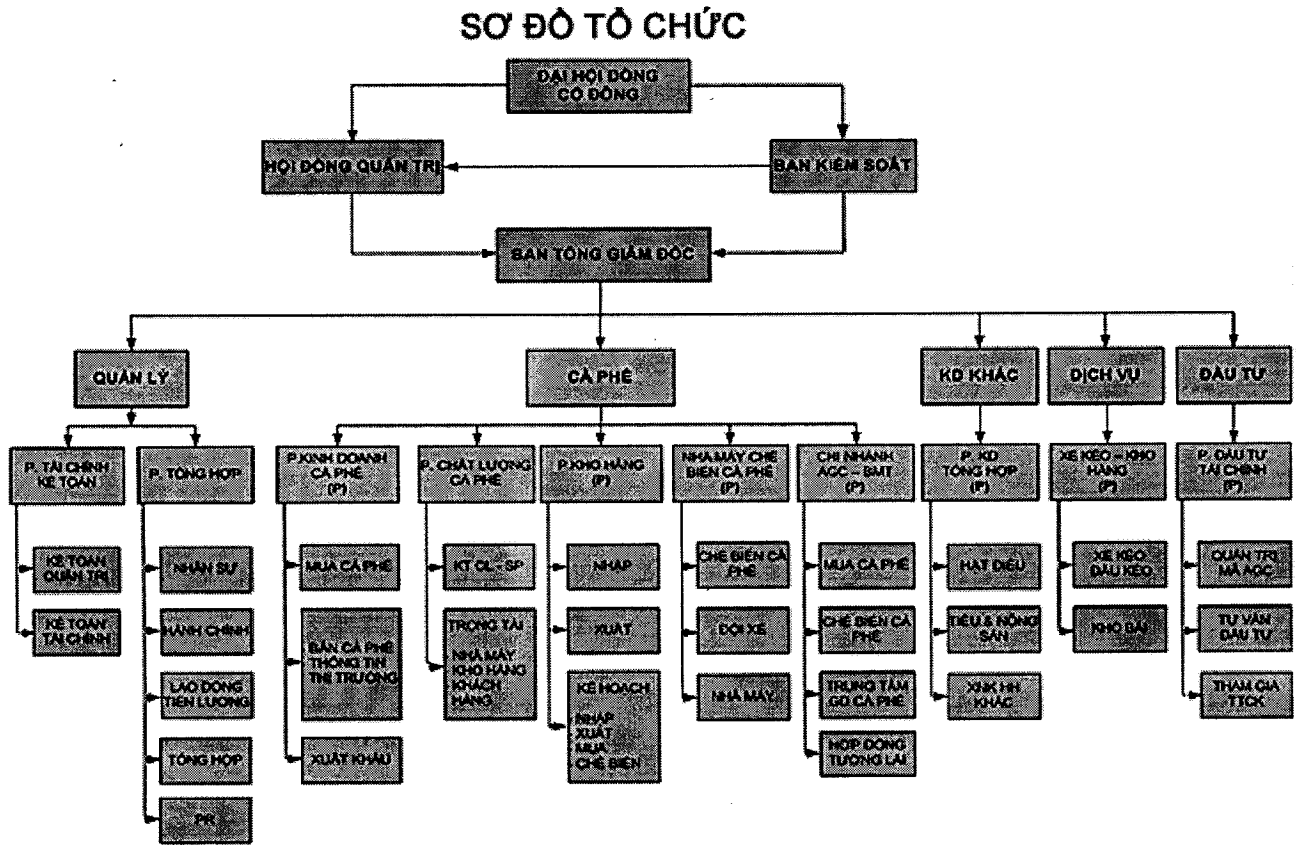
- Ý kiến kiểm toán nội bộ : công ty đã tuân thủ chặt chẽ các thủ tục và quy định theo luật pháp.

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
- + Công ty CP Tập Đoàn Thái Hòa
- + Số lượng cổ phiếu nắm giữ 4,349,250 tương đương với 52.4% vốn điều lệ.

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

- Ông Lê Văn Kế – Ủy viên HĐQT

Ngày sinh : 20/07/1964

Nơi sinh : Nha Trang

Số CMND : 225016656 cấp ngày 17/11/2007 tại Khánh Hòa

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Bình Định

Địa chỉ thường trú : 14B Hồng Bàng, Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại cơ quan : 0613.280299

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Kế toán

Quá trình công tác :

✓ 08/1984 – 08/2006 : Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty vật tư chế biến
cung ứng cà phê xuất khẩu Nha Trang

✓ 09/2006 - Nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cà phê An Giang

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần
Cà phê An Giang

• Ông Đoàn Thanh Bình – Ủy viên HĐQT

Ngày sinh : 1982

Nơi sinh : Đồng Nai

Số CMND : 271512045 cấp ngày 06/05/1998 tại Đồng Nai

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Đồng Nai

Địa chỉ thường trú : Ấp 05, xã Sông Trầu, Trảng Bom, Đồng Nai

Điện thoại cơ quan : 0613.280299

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Kế toán

Quá trình công tác :

✓ 10/2005 – 06/2007 : Nhân viên kế toán tổng hợp Công ty cơ khí xây dựng Bình
Chuẩn

✓ 06/2007 – 09/2010 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cà phê An Giang

✓ 12/2010 – Nay: Phó Tổng giám Đốc Công ty cổ phần Cà phê An Giang

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các
quyền lợi khác của Ban giám đốc :

+ Năm 2011 Ban giám đốc không nhận tiền thưởng.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

+ Tính đến thời điểm 31/12/2011, tổng số lao động toàn công ty là 25 người.
Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban
Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

+ Năm 2011 Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát có sự thay đổi như sau:

↓ Hội Đồng Quản Trị:

✓ Bà Trần thị Thu Tâm thôi chức danh thành viên hội đồng quản trị

✓ Ông Nguyễn Đình Khôi kế toán trưởng công ty thay thế bà Trần thị Thu
Tâm.

↓ Ban Kiểm Soát:

✓ Bà Nguyễn Thị Minh Huệ thôi giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm Soát

- ✓ Ông Mai Văn Ngọc thay Nguyễn Thị Minh Huệ làm trưởng Ban Kiểm Soát
- ✓ Bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Hương nhân viên công ty làm thành viên Ban Kiểm Soát

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn An – Chủ tịch HĐQT (Không điều hành trực tiếp)

Bà Ngô Thị Hạnh – Phó Chủ tịch HĐQT(Không điều hành trực tiếp)

Ông Lê Văn Kế – Ủy viên HĐQT

Ông Đoàn Thanh Bình – Ủy viên HĐQT

Ông Nguyễn Đình Khôi – Ủy viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ông Mai Ngọc – Trưởng BKS (Không điều hành trực tiếp)

Ông Vũ Lê Ban – Ủy viên BKS (Không điều hành trực tiếp)

Bà Nguyễn Thị Hương – Ủy viên BKS

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

+ Năm 2011 các thành viên Hội Đồng Quản trị và ban kiểm Soát đã không nhận thù lao

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Cổ đông lớn / thành viên góp vốn tổ chức :

Tên công ty/ Tổ chức	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ(%)
Công ty CP Tập Đoàn Thái Hòa Việt Nam	4,349,250	52.4

- Cổ đông lớn / thành viên góp vốn cá nhân : công ty không có cổ đông lớn nắm giữ hơn 5% vốn điều lệ.

TM CÔNG TY CP CÀ PHÊ AN GIANG



NGUYỄN VĂN AN